

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 22-01-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2023/QĐXXST- DS ngày 10/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST - DS ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Trần Nhật T**, sinh năm 1980. Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 12, **khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang**.

-Bị đơn: Ông **Hàng Tấn T1**, sinh năm 1964. Vắng mặt

Nơi cư trú: **Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Trần Nhật T** yêu cầu:

Do quen biết nên ông có cho ông **Hàng Tấn T1** vay tiền, ban đầu ông **T1** giữ uy tín có trả cho ông. Nhưng sau đó ông có cho ông **T1** vay 2 lần tiền, một lần với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), có làm biên nhận ngày 4/5/2021, biên nhận do ông **T1** viết, viết tại nhà ông, ông giao tiền cho ông **T1** đủ 60.000.000đ

(Sáu mươi triệu đồng) ngay ngày viết biên nhận, mục đích vay ông không rõ do ông T1 không nói với ông, chỉ nói mượn đỡ, hẹn 30 ngày sau sẽ hoàn tiền lại cho ông.

Khoảng 1 tuần sau ngày 4/5/2021 thì ông T1 lại nhà ông vay tiếp số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông có đưa cho ông T1 tại nhà đủ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nhưng do ông T1 vội và vì ông tin tưởng nên không làm biên nhận, hẹn 30 ngày sau trả chung với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Thỏa thuận lãi suất của 2 lần vay là 5%/tháng.

Tuy nhiên, sau 30 ngày kể từ ngày viết biên nhận ông T1 trả vốn và lãi cho ông, mặc dù đã liên hệ nhiều lần nhưng ông T1 không thực hiện.

Ông yêu cầu ông Hàng Tấn T1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ tháng 6/2021 cho đến ngày giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Nhật T trình bày xác định lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Hàng Tấn T1 trả số tiền vay còn nợ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông T có ý kiến xin rút lại yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án ông Hàng Tấn T1 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhật T. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, bị đơn ông Hàng Tấn T1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về việc buộc ông Hàng Tấn T1 trả số tiền vốn vay còn nợ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Hàng Tấn T1 trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi đối với số tiền 60.000.000đ và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Hàng Tấn T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo

quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông **Trần Nhật T** khởi kiện yêu cầu ông **Hàng Tấn T1** trả số tiền nợ vay. Ông **Hàng Tấn T1** cư ngụ sinh sống trên địa bàn **huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ **các văn bản tố tụng** cho bị đơn ông **Hàng Tấn T1** nhưng ông **Hàng Tấn T1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **T1** **theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với số tiền vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 4/5/2021 giữa ông **Trần Nhật T** và ông **Hàng Tấn T1**.

Xét, Biên nhận ngày 4/5/2021 thể hiện nội dung ông **Hàng Tấn T1** có vay của ông **Trần Nhật T** số tiền 60.000.000đồng, thời hạn 30 ngày, đến ngày 04/6/2021 trả số tiền nêu trên. Xét thấy, biên nhận được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các **Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015**, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc ông **Hàng Tấn T1** không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với ông **Trần Nhật T**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **T** là có căn cứ, cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền vay 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trần Nhật T** xác định rút lại yêu cầu ông **Hàng Tấn T1** trả vốn và lãi đối với số tiền vay 40.000.000đồng. Xét thấy, việc ông **T** rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có căn cứ để Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Nhật T** về việc yêu cầu ông **Hàng Tấn T1** trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Để tạo điều kiện cho bị đơn ông **Hàng Tấn T1** trả số tiền còn nợ, ông **Trần Nhật T** không yêu cầu tính lãi. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Nhật T**: Buộc ông **Hàng Tấn T1** có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông **Hàng Tấn T1** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông **T1** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Nhật T**.

- Buộc ông **Hàng Tấn T1** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Nhật T** số tiền còn nợ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **Điều 357**, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông **Hàng Tấn T1** trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi đối với số tiền 60.000.000đ và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông **Hàng Tấn T1** phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông **Trần Nhật T** được nhận lại số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí toà án số 0004480 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông **Trần Nhật T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông **Hàng Tấn T1** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND H. Châu Thành
- Chi cục Thi hành án
DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Bích